TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HS-ST
Ngày 23 – 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Vũ Đăng Đông và bà Vũ Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2023 và các Quyết định hoãn phiên tòa đối với các bị cáo:

1. **Nhữ Văn H** - sinh năm 1980, tại xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nhữ Xuân H1 - sinh năm 1946. Năm 1997, ông H1 được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất và bà Phạm Thị T; có vợ (đã ly hôn) và 2 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 15 ngày 13/6/2016, TAND huyện Bình Giang xử phạt 11 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 22 tháng về tội Đánh bạc. Bị cáo chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 13/01/2018.

Bị tạm giữ từ ngày 18/8/2023 đến ngày 23/8/2023, được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. **Nhữ Văn Đ** - sinh năm 1980; tại xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nhữ Văn Đ1 - đã chết và bà Hoàng Thị Ừ; có vợ và 2 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 18/8/2023 đến ngày 21/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. **Nhữ Văn Đ2** - sinh năm 1972, tại xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; HKTT: Khu G phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nhữ Văn L - đã chết và bà Trần Thị N - sinh năm 1936. Năm 1997 và năm 2000 bà N được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, hạng nhì; có vợ và 3 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 18/8/2023 đến ngày 23/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. **Nhữ Văn X** - sinh năm 1973 tại xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nhữ Văn Đ3 và bà Nhữ Thị H2; có vợ và 2 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 18/8/2023 đến ngày 21/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. **Nhữ Văn T1** - sinh năm 1982; tại xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nhữ Văn Đ4 và bà Nguyễn Thị V; có vợ và 2 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 18/8/2023 đến ngày 21/8/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

Anh Nhữ Văn Đ5, sinh năm 1973. Địa chỉ: thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Ông Nhữ Văn T2, sinh năm 1962. Địa chỉ: thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Anh Trần Văn S, sinh năm 1975. Địa chỉ: thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt.

- Người làm chứng:

Anh Nhữ Văn S1, sinh năm 1987.

Anh Nhữ Văn H3, sinh năm 1971.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 16/8/2023, Nhữ Văn H, Nhữ Văn Đ và Nhữ Văn X đi ăn sáng cùng nhau, sau đó về nhà H ở thôn A, xã T, huyện B ngồi chơi, uống nước. Khoảng 08 giờ cùng ngày, Nhữ Văn Đ2 đến nhà H ngồi chơi uống nước cùng mọi người. Trong lúc ngồi chơi, cả nhóm cùng thống nhất rủ nhau đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền lẫn nhau dưới hình thức đánh chắn. H lấy bộ bài chắn, đĩa sứ để sẵn ở kệ tivi trong phòng khách để xuống chiếu trải sẵn ở dưới nền nhà rồi cùng mọi người ngồi xuống đánh bạc. Trước khi đánh bạc, Đ2 khai có 1.250.000 đồng, H khai có 840.000 đồng, Đ khai có 3.200.000 đồng, X khai có 740.000 đồng dùng để đánh bạc.

Cách thức chơi và mức độ sát phạt như sau: Bốn người chơi dùng bộ bài chắn 100 quân chia đều làm 5 phần, mỗi phần 19 quân, người đánh trước được 20 quân, số còn lại để làm bài lọc được đặt trên đĩa. Người thắng của ván đó là người ù (tức là có đủ 6 chắn và 4 cạ); mức độ sát phạt là "xuông 20 dịch 10", tức là ù xuông (ù không có cước) thì mỗi người phải trả cho người ù 20.000 đồng, ù có cước thì mỗi cước được tính bằng 1 điểm (tức là dịch 1 cước bằng 10.000 đồng), cụ thể: ù Tôm được tính 4 điểm bằng 40.000 đồng, ù Lèo được tính 5 điểm bằng 50.000 đồng; ù tám đỏ, ù bạch định, ù bạch thủ chi được tính 8 điểm bằng 80.000 đồng, nếu một trong bốn người chơi ù có được các cước nêu trên thì 3 người còn lại đều phải trả tiền cho người ù theo số tiền quy định; nếu bốc hết quân bài lọc trên đĩa mà không có người ù thì ván chơi đó hòa. Mỗi ván ù có cước thì người ù tự bỏ ra 10.000 đồng để góp tiền mua đồ ăn trưa cho mọi người. Cứ như vậy, các đối tượng đánh bạc đến khoảng 09 giờ cùng ngày thì Nhữ Văn T1 đến mang theo 1.630.000 đồng để đánh bạc. T1 bảo H cho thay chân, lúc này H đang bị thua 70.000 đồng nên nhường lại cho T1 vào đánh bạc cùng Đ2, Đ, X.

Cùng lúc này, Nhữ Văn Đ5 - sinh năm 1973, Nhữ Văn T2 - sinh năm 1962, Trần Văn S - sinh năm 1975 ở cùng thôn A, xã T đến nhà H chơi. Đ5 tự ý lấy bộ bài tú lơ khơ có sẵn ở nhà H ngồi xuống chiếu trải sẵn ở nền nhà cùng H, T2, S đánh bạc sát phạt tiền lẫn nhau dưới hình thức đánh phỏm. Đ5 có 730.000 đồng, bỏ ra 360.000 đồng để đánh bạc; T2 có 1.000.000 đồng, bỏ ra 130.000 đồng để đánh bạc; H còn 770.000 đồng dùng để đánh phỏm; Sáng có 1.620.000 đồng, bỏ ra 300.000 đồng đánh bạc.

Cứ như vậy, các đối tượng đánh bạc đến 10 giờ 20 phút cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra phối hợp với Công an xã T phát hiện bắt giữ. Thu giữ tại chiếu đánh chắn: Số tiền 1.500.000 đồng trên chiếu bạc, 1 đĩa sứ, 1 bộ bài chắn 100 quân, 1 chiếu cói; Quản lý trêm người các đối tượng số tiền dùng để đánh bạc là 6.340.000 đồng (gồm của Đ2 1.210.000, Đoàn 3.000.000 đồng, X 500.000 đồng, T1 1.630.000 đồng).

Thu giữ tại chiếu đánh phỏm: Số tiền 790.000 đồng trên chiếu bạc, 1 bộ bài tú lơ khơ, 1 chiếu cói; Quản lý trên người Hùng 770.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc; Quản lý trên người T2 870.000 đồng, Đ5 370.000 đồng, Sáng 1.320.000 đồng không dùng đánh bạc.

Quá trình điều tra xác định số tiền các bị cáo H, Đ2, Đ, X, T1 sử dụng vào

việc đánh bạc là 8.610.000 đồng, gồm: tiền thu trên chiếu bạc là 1.500.000 đồng, tiền thu trên người các đối tượng là 7.110.000 đồng (của Đoán 1.210.000, H 770.000 đồng, Đ 3.000.000 đồng, X 500.000 đồng, T1 1.630.000 đồng).

Tại bản cáo trạng số 75/CT-VKS ngày 30 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang đã truy tố các bị cáo về tội Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo phạm tội Đánh bạc.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 58; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nhữ Văn H;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 58; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nhữ Văn Đ.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 58; Điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nhữ Văn Đ2.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 58; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nhữ Văn X.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 58; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nhữ Văn T1.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử phạt bị cáo Nhữ Văn H từ 11 đến 14 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 22 đến 28 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/01/2024).

- Xử phạt bị cáo Nhữ Văn Đ từ 9 đến 11 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 22 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/01/2024).

- Xử phạt bị cáo Nhữ Văn Đ2 từ 8 đến 11 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 22 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/01/2024).

Giao bị cáo H, Đ, Đ2 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Nhữ Văn X từ 13 đến 16 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày bị tạm giữ = 09 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 12 tháng 21 (hai mươi mốt) đến 15 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện B nhận được Quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nhữ Văn T1 từ 10 đến 13 tháng cải tạo không giam giữ, được

trừ 03 ngày bị tạm giữ = 09 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 09 tháng 21 ngày đến 12 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện B nhận được Quyết định thi hành án.

Khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng của mỗi bị cáo X, T1 trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để nộp ngân sách nhà nước.

Giao các bị cáo X, T1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 8.610.000 đồng các bị cáo H, Đ2, Đ, X, T1 dùng đánh bạc và 790.000 đồng thu trên chiếu đánh phỏm.

Trả lại cho Nhữ Văn T2 870.000 đồng, Nhữ Văn Đ5 370.000 đồng, Trần Văn S 1.320.000.

Tịch thu tiêu hủy: 1 chiếu nhựa, 1 chiếu cói, 1 đĩa sứ, 1 bộ tú lơ khơ 52 quân, 1 bộ bài chắn 100 quân là công cụ thực hiện tội phạm, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Vật chứng đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/11/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang.

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận cùng rủ nhau đánh bạc hành vi cụ thể như nêu trên, xác định bị cáo H không thu tiền hồ, không rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác đánh bạc. Các bị cáo đều nhất trí với nội dung bản Cáo trạng, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Trong quá trình điều tra:

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều khai nhận đã tham gia việc đánh bạc với số tiền mỗi người tham gia đánh bạc và sự việc đánh bạc cụ thể như các tình tiết được nêu trên. Đối với số tiền không dùng vào việc đánh bạc đã bị thu giữ, Anh Nhữ Văn Đ5, Ông Nhữ Văn T2 và Anh Trần Văn S xin được nhận lại.

Những người làm chứng là anh Nhữ Văn S1 và anh Nhữ Văn H4 khai: Ngày 16/8/2023, anh S1 và anh H4 đến nhà Nhữ Văn H chơi, chứng kiến các bị cáo nêu trên đánh bạc và còn có chiếu đánh phỏm của anh Đ5, ông T2, anh S, sau đó những người nêu trên bị cơ quan công an phát hiện, bắt giữ và lập biên bản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản lập khi cơ quan Cảnh sát điều tra phát hiện, bắt quả tang việc đánh bạc, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ, nên có đủ cơ sở sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 08 giờ đến 10 giờ 20 phút ngày 16/8/2023, tại thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương, Nhữ Văn H, Nhữ Văn Đ, Nhữ Văn Đ2, Nhữ Văn X, Nhữ Văn T1 có hành vi đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện phát hiện bắt giữ, thu giữ vật chứng. Tổng số tiền các bị cáo đánh bạc là 8.610.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật hình sự bảo vệ, tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến tội phạm và bất ổn khác trong xã hội. Các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hậu quả nguy hiểm cho xã hội của hành vi nhưng vẫn thực hiện là có lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội Đánh bạc, quy định khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố các bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, khi đều là anh em trong chi tộc đến chơi nhà bị cáo H thì cùng nhau đánh bạc; bị cáo H là chủ nhà cho các bị cáo khác đánh bạc tại nhà mình và sử dụng số tiền 870.000 đồng đánh bạc và bị cáo Đ sử dụng số tiền đánh bạc nhiều nhất 3.200.000 đồng, giữ vai trò thực hành tích cực nhất trong vụ án; Bị cáo Đ2 đánh bạc từ đầu, sử dụng 1.250.000 đồng giữ vai trò sau H, Đoàn;

Bị cáo X sử dụng 740.000 đồng đánh bạc, T1 sử dụng 1.630.000 đồng đánh bạc nhưng vào tham gia đánh bạc sau, lần lượt giữ vai trò sau cùng trong vụ án.

[4]. Về nhân thân: các bị cáo có nhân thân tốt, riêng bị cáo H đã bị kết án nhưng đã được xóa án tích.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có bố đẻ được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất nên hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Các bị cáo Nhữ Văn Đ, Nhữ Văn Đ2, Nhữ Văn X, Nhữ Văn T1 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Nhữ Văn Đ2 có mẹ đẻ được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, hạng nhì nên hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định

tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6]. Về hình phạt chính: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vị trí và vai trò của các bị cáo trong đồng phạm, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Cần áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo: Nhữ Văn H, Nhữ Văn Đ, Nhữ Văn Đ2. Các bị cáo Đ, Đ2 đều có nhân thân tốt, bị cáo H đã từng bị kết án, nhưng đã được xóa án tích, lần này phạm tội ít nghiêm trọng và số tiền bị cáo sử dụng vào đánh bạc không lớn; các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, do đó cho các bị cáo hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội và không ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Đối với 2 bị cáo X, T1 có vị trí vai trò sau trong đồng phạm, nhiều tình tiết giảm nhẹ nên chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, là đủ để giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội. Cần khấu trừ một phần thu nhập của các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt để nộp ngân sách nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội với số tiền đánh bạc ít, thu nhập đủ điều kiện sinh hoạt tối thiểu, nên không phạt tiền bổ sung.

[7]. Về vật chứng:

Số tiền 8.610.000 đồng các bị cáo H, Đ2, Đ, X, T1 dùng đánh bạc và 790.000 đồng thu trên chiếu đánh phỏm cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Số tiền 870.000 đồng của Nhữ Văn T2, 370.000 đồng của Nhữ Văn Đ5, 1.320.000 đồng của Trần Văn S, không dùng vào đánh bạc, cần trả lại cho T2, Đ5, S.

1 chiếu nhựa, 1 chiếu cói, 1 đĩa sứ, 1 bộ tú lơ khơ 52 quân, 1 bộ bài chắn 100 quân là công cụ thực hiện tội phạm, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[8]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9]. Nhữ Văn T2, Nhữ Văn Đ5 và Trần Văn S có hành vi đánh bạc cùng với bị cáo H nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, ngày 20/10/2023, Công an huyện B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 58; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nhữ Văn H;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 58; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nhữ Văn Đ.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 58; Điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nhữ Văn Đ2.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 58; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nhữ Văn X.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 58; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nhữ Văn T1.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nhữ Văn H, Nhữ Văn Đ, Nhữ Văn Đ2, Nhữ Văn X, Nhữ Văn T1 phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nhữ Văn H 11 (mười một) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 22 (hai mươi hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/01/2024).

- Xử phạt bị cáo Nhữ Văn Đ 9 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/01/2024).

- Xử phạt bị cáo Nhữ Văn Đ2 8 (tám) tháng tù cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/01/2024).

Giao bị cáo H, Đ, Đ2 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Nhữ Văn X 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày bị tạm giữ = 09 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện B nhận được Quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nhữ Văn T1 13 (mười ba) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày bị tạm giữ = 09 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 12 (mười hai) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện B nhận được Quyết định thi hành án.

Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của mỗi bị cáo X, T1 trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để nộp ngân sách nhà nước.

Giao các bị cáo X, T1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 8.610.000 đồng các bị cáo H, Đ2, Đ, X, T1 dùng đánh bạc và 790.000 đồng thu trên chiếu đánh phỏm.

Trả lại cho Nhữ Văn T2 870.000 đồng, Nhữ Văn Đ5 370.000 đồng, Trần Văn S 1.320.000 đồng.

Tịch thu tiêu hủy: 1 chiếu nhựa, 1 chiếu cói, 1 đĩa sứ, 1 bộ tú lơ khơ 52 quân, 1 bộ bài chắn 100 quân là công cụ thực hiện tội phạm, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Vật chứng đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/11/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang.

4. Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Bình Giang
- Cơ quan CSĐT CA huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bộ phận HSNV CA huyện Bình Giang;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Cường